

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH TH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS- ST
Ngày 14/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH TH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Huy Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên

Ngày 14 háng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST- DS ngày 23/9/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng Th: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông Hưng, tỉnh Th Bình (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020 của ông Th cho bà Thoi)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị M: Ông Lê Chí D, sinh năm 1975 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, tỉnh Th Bình (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị M: Chị Trần Thị M, sinh năm 1972 (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2020 của bà M cho chị Mai)

2.2. Ông Trần Xuân X, sinh năm 1942; nơi đăng ký HKTT: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Th Bình; nơi ở hiện nay: Thôn Khuốc B, xã Phong Ch, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Xuân X: Ông Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân X:

+ Ông Trần Văn X, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020 của ông XI cho ông X)

+ Ông Bùi Ngọc Nh, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà 288, đường Bùi Sỹ T, thị trấn Đông H, huyện Đông Hưng, tỉnh Th Bình (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020 của ông X cho ông Nh)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông Hưng, tỉnh Th Bình (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Xuân Vui, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Phong Lôi T, xã Đông H, huyện Đông Hưng, tỉnh Th Bình (vắng mặt).

+ Chị Trần Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Cổ Dũng 1, xã Đông L, huyện Đông H, tỉnh Th Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn ông Phạm Hồng Th và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng Th trình bày:**

Ngày 12/5/2017 ông Phạm Hồng Th cho bà Đặng Thị M vay số tiền 17.500.000 đồng, vay không thời hạn, không có lãi để bà M xây, sửa tường bao và làm cổng. Hai bên viết giấy biên nhận vay tiền ngày 12/5/2017 có sự chứng kiến

của chị Trần Thị M là con gái ông X, bà M. Năm 2018 ông Th đã đòi số tiền trên nhưng bà M chưa có để trả. Nay ông Th yêu cầu ông Xiêm, bà M cùng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền 17.500.000 đồng mà bà M đã vay; ông không yêu cầu trả lãi.

**** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là bà Đặng Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày:***

Bà Đặng Thị M thừa nhận, bà có vay tiền của ông Phạm Hồng Th và hai bên có viết giấy biên nhận như ông Th khai. Do tường bao nhà bà xây tạm đã quá lâu (xây trước năm 1990), lại bị bão năm 2016 làm bỏ hết vữa và bục đổ, không đảm bảo an toàn, nên bà vay tiền của ông Th để nhờ ông Nguyễn Xuân V xây hết lại tường bao xung quanh nhà, làm cổng, mua cánh cổng sắt, làm sân (láng xi măng cát). Tổng tiền công và vật liệu ông V làm cho bà hết 23.100.000 đồng (tiền vay ông Th để làm, số tiền còn thiếu thì chị M cho). Khi vay được tiền của ông Th, bà có nói cho ông X biết và bảo ông X đi tìm thợ để làm tường bao, cổng dậu nhưng ông X mãi đi với người phụ nữ khác nên bà tìm ông V để làm công trình cho bà. Bà yêu cầu ông X phải cùng bà thanh toán số nợ trên cho ông Th.

**** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là ông Trần Xuân X, người đại diện theo ủy quyền của ông X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X trình bày:***

Ông X không chấp nhận khoản nợ ông Th đòi. Ông cho rằng, ông không còn liên quan gì tới bà M vì ông không sống cùng bà M từ năm 1997. Nhà ông kín cổng cao tường từ ngày ông còn ở nhà, bà M phá nhà ngang đi nhưng tường phía sau nhà ngang vẫn để lại làm dậu. Cổng vẫn còn nguyên như cũ. Không có việc bà M vay tiền của ông Th để làm cổng, dậu, tường bao như bà M khai. Nếu có ông cũng không đồng ý, bà M tự làm thì phải tự trả và hơn nữa ông cũng không ở nhà đó nên ông không có trách nhiệm với khoản tiền ông Th đòi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th trình bày:***

Ngày 12/5/2017 ông Phạm Hồng Th (là chồng của bà) cho bà Đặng Thị M vay số tiền 17.500.000 đồng (là tài sản chung của ông Th và bà) như ông Th khai. Nay ông Xi và bà M phải có trách nhiệm trả nợ khoản tiền bà M đã vay cho vợ chồng bà.

**** Chị Trần Thị M trình bày:*** Chị có chứng kiến việc bà M vay tiền của ông Th và chị có ký vào chỗ người làm chứng trong giấy biên nhận bà M vay tiền của ông Th đề ngày 12/5/2017. Chị xác định lời khai của bà M (mẹ chị) là đúng.

**** Ông Nguyễn Xuân V khai:***

Tháng 5/2017 ông có làm cổng, tường bao và làm sân cho gia đình ông Xiêm bà M. Tổng tiền công và vật liệu bà M và chị M thanh toán cho ông là

23.100.000 đồng. Ông X có biết việc ông làm tường bao, cổng và sân cho bà M nhưng ông X không có ý kiến gì.

Ông xác định, ông đã ký xác nhận vào bản hạch toán tu sửa nhà của bà M đề ngày 02/3/2020.

*** Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với công trình xây dựng của gia đình bà M, ông Xiêm và xác minh tại UBND xã Đông H có nội dung:**

Gia đình ông X và bà M có việc xây mới, sửa tường bao, làm sân và lắp cánh cổng sắt. Cụ thể:

- Toàn bộ sân phía trước nhà và phía hông nhà bên phải (phía cổng ra vào) được đổ xi măng cát vàng.

- Toàn bộ dậu ngăn cách sân và vườn phía trước nhà được xây gạch hoa Bò lóc.

- Tường bao hướng Tây và hướng Bắc xây mới năm 2017 (tường phía Tây tính từ trụ cổng phía bên trái theo hướng từ ngoài vào kéo đến góc vuông tiếp giáp phía Bắc xây mới hoàn toàn. Bức tường phía Bắc kéo từ phía Tây về phía Đông tiếp giáp với tường bếp xây mới trên nền móng cũ).

- Tường bao phía Tây tính từ mép phải cổng theo hướng đi vào kéo dài về phía Nam là tường cũ được trát lại.

- Bức tường phía Bắc tính từ công trình phụ kéo về phía Đông đến hết phần đất của gia đình là tường xây cũ từ trước được trát lại mặt ngoài phía ngõ xóm.

- Cổng ra vào là cổng cũ có 02 cánh sắt tròn giăng lưới B40 (02 cánh cổng mua lại của ông Vũ Văn Th)

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Các đương sự cung cấp đầy đủ các chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng Th.

Buộc bị đơn là bà Đặng Thị M và ông Trần Xuân X có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng Th bà Nguyễn Thị Thoi số tiền 17.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Phạm Hồng Th khởi kiện đòi nợ bị đơn bà Đặng Thị M và ông Trần Xuân X đều có nơi cư trú tại, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hợp đồng vay không có lãi, không có thời hạn tính đến ngày xét xử đảm bảo về thời hiệu.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Xuân X có đơn phản tố cho rằng: Ông không hề vay tiền của ông Phạm Hồng Th. Đây là vụ kiện vô căn cứ, có mưu đồ cấu kết tạo dựng, vu khống để chiếm đoạt tài sản của ông, gây hoang mang, lo lắng, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và tổn hại đến danh dự của ông. Ông yêu cầu ông Th phải bồi thường cho ông tổn hại về tinh thần, sức khỏe, danh dự và thời gian ông phải đi lại để hầu Tòa.

Xét thấy: Yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân X là một việc hoàn toàn không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Th. Mặt khác, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Trần Xuân X rút yêu cầu phản tố của ông X đối với ông Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu trên của ông X trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Th, bị đơn bà M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th và người làm chứng là chị M đều khai vào ngày 12/5/2017, ông Th có cho bà M vay số tiền 17.500.000 đồng để bà M xây, sửa tường bao, cổng dậu và làm sân; vay không tính lãi suất. Khi ông Th cho bà M vay tiền, bà M có ký tên vào giấy biên nhận vay tiền do ông Th viết và chị M con của ông X bà M làm chứng cùng ký tên vào giấy biên nhận. Giấy biên nhận bà M vay tiền của ông Th đã được ông Th cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định có việc bà M vay nợ ông Th 17.500.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông Th và bà M cung cấp, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được; xác định, ngày 12/5/2017 bà M có vay của ông Th số tiền 17.500.000 đồng để bà xây mới, sửa tường bao, làm sân và lắp cánh cổng sắt.

Thời điểm năm 2017, ông X và bà M đã ly thân nhưng vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Ông X xác định, năm 2017 khi ông làm tường bao, cổng và sân cho bà M thì ông X có biết và không ý kiến gì. Mặt khác, theo ông X trình bày, hàng năm vào các dịp lễ, tết, giỗ chạp ông vẫn thường xuyên về nhà; như vậy, ông X

phải biết việc bà M làm tường bao, cổng và sân vào năm 2017. Công trình xây dựng mà bà M tu sửa ở trên là tài sản chung của ông X và bà M trong thời kỳ hôn nhân. Bà M chứng minh được việc bà vay tiền của ông Th để bà xây mới, sửa tường bao, làm sân và lắp cánh cổng sắt do các tài sản này bà và ông X làm đã quá lâu, bị xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho người trong gia đình cũng như người khác đi qua lại. Việc tu sửa tài sản trên của bà M là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, xác định khoản tiền bà M vay nợ ông Th là nợ chung của ông Xiêm, bà M trong thời kỳ hôn nhân;

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

Bản án số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa ông X và bà M đã có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông X và bà M đã chia tài sản chung nhưng ông Th và bà M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên của ông Xiêm bà M đối với ông Th. Nay ông Th khởi kiện đòi nợ thì cần buộc ông X, bà M cùng phải có nghĩa vụ đối với khoản tiền bà M vay của ông Th.

Do không có thỏa thuận về lãi, bản thân ông Th cũng không yêu cầu trả tiền lãi, vì vậy ông X, bà M không phải thanh toán lãi trên số tiền đã vay của ông Th.

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông Th được chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông X và bà M là người cao tuổi nên thuộc diện được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 236/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hồng Th khởi kiện đòi nợ ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M.

2. Buộc ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả nợ ông Phạm Hồng Th và bà Nguyễn Thị Th số tiền 17.500.000 đồng.

Chia phần: ông Trần Xuân X phải trả nợ cho ông Phạm Hồng Th và bà Nguyễn Thị Th số tiền 8.750.000 đồng. Bà Đặng Thị M phải trả nợ cho ông Phạm Hồng Th và bà Nguyễn Thị Th số tiền 8.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phạm Hồng Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông Phạm Hồng Th số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Th nộp tại biên lai thu số 0008189 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Miễn án phí dân sự cho ông Trần Xuân X và bà Đặng Thị M.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị M chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- Chi cục THA DS huyện Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kiên Trung

